

Số/No.: 25/2026/TB CBTT-ASP

Tp.HCM, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Ho Chi Minh City, August 28, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - **Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**
Ho Chi Minh Stock Exchange

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Name of organization: AN PHA PETROLEUM GROUP JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/Stock code: **ASP**
- Địa chỉ : Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh
Address : Room 805, 8th Floor, Saigon Paragon Building, No. 3 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, Hochiminh City
- Điện thoại/Tel. : (84.28) 5413 6338 Fax: (84.28) 5413 6340
- E-mail : info@anphapetrol.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2026 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha.
Review Interim Separate and Consolidated financial statements for the first half of 2026 of An Pha Petroleum Group Joint Stock Company.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/08/2026 tại đường dẫn: <https://anphapetrol.com/quan-he-co-dong/>

This information was published on the company's website on August 28, 2026, as in the link: <https://anphapetrol.com/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Báo cáo tài chính riêng 6 tháng đầu năm 2026 đã được kiểm toán/Review Interim Separate financial statements for the first half of 2026.
- Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2026 đã được kiểm toán/Review Interim Consolidated financial statements for the first half of 2026.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người ủy quyền công bố thông tin

Person authorized to disclose information


Anpha Petrol
TRẦN DUY LUÂN

Số: 57/2026_ASP-SGDCK_BCTC

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh BCTC riêng bán niên năm 2026 đã kiểm toán

Tp Hồ Chí Minh ngày 28 tháng 08 năm 2026

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Căn cứ báo cáo tài chính bán niên và kết quả hoạt động kinh doanh đạt được trong 6 tháng đầu năm 2026 của Công ty Cổ phần tập đoàn dầu khí An Pha, hoạt kinh doanh của Công ty vẫn ổn định, doanh thu và lợi nhuận sau thuế tăng so với cùng kỳ. Công ty giải trình bổ sung nguyên nhân lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2026 tăng so với 6 tháng đầu năm 2025 bởi những nguyên nhân chính sau đây.

Chỉ tiêu	Số liệu đã kiểm toán 6 tháng đầu năm 2026	Số liệu đã kiểm toán 6 tháng đầu năm 2025	Chênh lệch (VNĐ)
	1	2	3=1-2
1 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	60.106.421.993	45.432.394.787	14.674.027.206
2 Doanh thu hoạt động tài chính	3.664.407.391	17.597.531.934	(13.933.124.543)
3 Chi phí tài chính	19.652.430.518	26.664.208.379	(7.011.777.861)
4 Chi phí bán hàng	5.807.420.878	5.217.703.365	589.717.513
5 Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.070.312.256	13.656.140.538	(1.585.828.282)
6 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.321.280.704	17.500.215.689	8.821.065.015
7 Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.963.589.041	-	4.963.589.041
8 Lợi nhuận sau thuế TNDN	21.357.691.663	17.500.215.689	3.857.475.974

1. Nguyên nhân:

- Lợi nhuận gộp tăng 14.674.027.206 đồng nguyên nhân chủ yếu là do sản lượng, giá bán và doanh thu bán hàng tăng so với cùng kỳ.
- Doanh thu tài chính giảm 13.933.124.543 đồng nguyên nhân chủ yếu do lãi cho vay và thu nhập lợi nhuận được chia từ công ty liên kết giảm so với cùng kỳ.
- Chi phí tài chính giảm 7.011.777.861 đồng nguyên nhân chủ yếu do lỗ chênh lệch tỉ giá giảm so với cùng kỳ.
- Chi phí bán hàng tăng 589.717.513 đồng nguyên nhân chủ yếu do chi phí thuê kho, chi phí bảo lãnh mua hàng tăng so với cùng kỳ.
- Chi phí quản lý giảm 1.585.828.282 đồng nguyên nhân chủ yếu do chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí công tác, hội nghị giảm so với cùng kỳ.

Từ các nguyên nhân chủ yếu trên nên lợi nhuận sau thuế của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2026 đã tăng so với 6 tháng đầu năm 2025 là 3.857.475.974 đồng.

2. Giải trình số liệu chênh lệch trước và sau kiểm toán

Chỉ tiêu	Số liệu sau kiểm toán 6 tháng đầu năm 2026	Số liệu trước kiểm toán 6 tháng đầu năm 2026	Chênh lệch (VNĐ)
	1	2	3=1-2
1 Chi phí tài chính	19.652.430.518	19.315.056.660	337.373.858
2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.070.312.256	12.482.395.519	(412.083.263)
3 Lợi nhuận sau thuế TNDN	21.357.691.663	21.282.982.258	74.709.405

Nguyên nhân:

- Chi phí tài chính sau kiểm toán tăng 337.373.858 đồng nguyên nhân do kiểm toán điều chỉnh phân loại lại từ chi phí quản lý sang chi phí tài chính.
- Chi phí tài quản lý sau kiểm toán giảm 412.083.263 đồng nguyên nhân do kiểm toán điều chỉnh phân loại lại từ chi phí quản lý sang chi phí tài chính và điều chỉnh giảm chi phí bảo hiểm tài sản tại các Công ty con.

Nguyên nhân trên đã làm lợi nhuận sau thuế năm 6 tháng đầu năm 2026 trên báo cáo sau kiểm toán điều chỉnh tăng 71.709.405 đồng so với báo cáo trước kiểm toán.

Trân trọng.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT TP.HCM
- Lưu VT, NQTCTY



SHIMBORI TOSHIYUKI

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 42

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 22 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/8/2026 về thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 22 ngày 03/8/2026 là 373.399.290.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Tomohiko Kawamoto	Chủ tịch
Ông Shimbori Toshiyuki	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26/6/2026)
Ông Kobayashi Naoki	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 26/6/2026)
Ông Sakamoto Shinichiro	Thành viên
Ông Nitta Kazufuku	Thành viên độc lập
Ông Kentaro Jimba	Thành viên độc lập

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ông Kentaro Jimba	Chủ tịch
Ông Nitta Kazufuku	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Shimbori Toshiyuki	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 29/7/2026)
Ông Kobayashi Naoki	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 29/7/2026)
Ông Sakamoto Shinichiro	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Duy Luân	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Shimbori Toshiyuki
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2026

Số: 215/2026/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha, được lập ngày 26/8/2026, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Nguyễn Thị Mai Hoa****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2026	01/01/2026
			VND	(Trình bày lại) VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+160)	100		602.752.006.568	406.629.968.835
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	41.576.730.131	29.119.245.154
1. Tiền	111		41.576.730.131	29.119.245.154
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	77.473.801.812	11.081.245.881
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	5.2a	77.473.801.812	11.081.245.881
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		430.588.687.488	363.511.110.767
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	419.550.141.556	355.733.040.123
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	8.218.428.065	6.699.007.268
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	5.5	10.023.629.157	7.908.170.922
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	5.6	(7.203.511.290)	(6.829.107.546)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	48.776.818.442	-
1. Hàng tồn kho	141		57.862.532.159	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(9.085.713.717)	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		4.335.968.695	2.918.367.033
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.8	3.158.416.745	580.455.946
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		1.177.551.950	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.14	-	2.337.911.087
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+260+270)	200		865.994.259.617	854.200.881.229
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		92.887.906.000	92.887.906.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	90.000.000.000	90.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	215	5.5	2.887.906.000	2.887.906.000
II. Tài sản cố định	220		9.427.722.714	11.224.511.081
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	944.672.068	5.076.675
- Nguyên giá	222		3.483.432.727	2.508.895.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.538.760.659)	(2.503.819.143)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	8.483.050.646	11.219.434.406
- Nguyên giá	228		27.363.837.578	27.363.837.578
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.880.786.932)	(16.144.403.172)
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	5.2	686.241.962.936	687.491.962.936
1. Đầu tư vào công ty con	261	5.2b	615.724.701.227	615.724.701.227
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	5.2b	136.603.113.905	136.603.113.905
3. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	5.2b	(89.173.172.196)	(89.173.172.196)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	5.2a	23.087.320.000	24.337.320.000
VII. Tài sản dài hạn khác	270		77.436.667.967	62.596.501.212
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.8	77.436.667.967	62.596.501.212
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100+200)	280		1.468.746.266.185	1.260.830.850.064

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2026	01/01/2026
			VND	(Trình bày lại) VND
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		978.615.145.321	792.057.420.863
I. Nợ ngắn hạn	310		978.615.145.321	792.057.420.863
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	507.477.011.589	437.559.276.956
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	948.543.668	189.820.802
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	5.13	885.420.764	885.420.764
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.14	3.111.231.115	614.086.453
5. Phải trả người lao động	315		468.894.683	369.889.980
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		-	61.812.548
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	5.15	5.706.373.812	446.536.470
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.16	459.998.795.782	351.911.702.982
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		18.873.908	18.873.908
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.17	490.131.120.864	468.773.429.201
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.399.290.000	373.399.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.399.290.000	373.399.290.000
2. Thặng dư vốn	412		1.433.420.000	1.433.420.000
3. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(3.639.900)	(3.639.900)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		306.228.116	306.228.116
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		114.995.822.648	93.638.130.985
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		93.638.130.985	63.737.568.917
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		21.357.691.663	29.900.562.068
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.468.746.266.185	1.260.830.850.064

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu



Lai Văn Tú

Kế toán trưởng



Lai Văn Tú

Tổng Giám đốc



Shimbori Toshiyuki

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.397.434.967.177	1.376.814.533.123
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		1.397.434.967.177	1.376.814.533.123
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.337.328.545.184	1.331.382.138.336
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		60.106.421.993	45.432.394.787
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	3.664.407.391	17.597.531.934
8. Chi phí tài chính	23	6.4	19.652.430.518	26.664.208.379
<i>Trong đó: Chi phí đi vay</i>	24		15.191.701.780	12.196.653.047
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	5.807.420.878	5.217.703.365
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	12.070.312.256	13.656.140.538
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+21+(22-23)-(25+26)+27}	30		26.240.665.732	17.491.874.439
12. Thu nhập khác	31	6.6	80.614.972	8.341.250
13. Chi phí khác	32		-	-
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		80.614.972	8.341.250
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		26.321.280.704	17.500.215.689
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	4.963.589.041	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		21.357.691.663	17.500.215.689

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lai Văn Tú



Lai Văn Tú




Shimbori Toshiyuki

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		26.321.280.704	17.500.215.689
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.771.325.276	2.742.212.550
- Các khoản dự phòng	03		9.460.117.461	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		862.638.697	1.975.569.726
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(3.581.456.295)	(12.473.370.331)
- Chi phí đi vay	06		15.191.701.780	12.196.653.047
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		51.025.607.623	21.941.280.681
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(66.291.621.328)	(122.557.054.154)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(57.862.532.159)	8.644.546.909
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		72.641.315.030	154.061.996.819
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(17.418.127.554)	6.123.036.214
- Chi phí đi vay đã trả	14		(15.188.612.890)	(13.044.071.233)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(33.093.971.278)	55.169.735.236
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(974.536.909)	(3.475.850.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(70.000.000.000)	(70.800.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.539.856.261	29.123.500.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(8.219.683.500)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.899.044.103	1.798.947.995
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(62.535.636.545)	(51.573.085.505)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

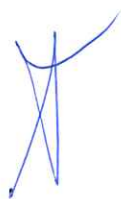
CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		801.597.787.035	684.703.536.232
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(693.510.694.235)	(759.841.830.650)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		108.087.092.800	(75.138.294.418)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		12.457.484.977	(71.541.644.687)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	29.119.245.154	99.418.961.136
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	41.576.730.131	27.877.316.449

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2026

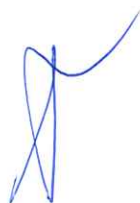
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lại Văn Tú



Lại Văn Tú



Shimbori Toshiyuki

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 22 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/8/2026 về thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 22 ngày 03/8/2026 là 373.399.290.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty được công bố tại Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Mua bán khí hóa lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở);
- Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Kinh doanh bất động sản;

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2026, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

Stt	Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích
A. Công ty con						
A.1 Công ty con trực tiếp						
1	Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha	Hà Nội	Kinh doanh LPG	98,56%	98,56%	98,56%
2	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Đình	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh LPG	100%	100%	100%
3	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh LPG	97,99%	97,99%	97,99%
4	Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Hà Nội	Kinh doanh LPG	51,00%	51,00%	51,00%
A.2 Các Công ty con gián tiếp (thông qua các Công ty con trực tiếp)						
5	Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh LPG	99,99%	99,99%	99,99%
6	Công ty TNHH MTV Minh Gia (i)	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh LPG	97,99%	97,99%	97,99%

(i) Tại ngày Báo cáo, Công ty TNHH MTV Minh Gia tạm ngưng hoạt động theo Thông báo số 156/2024/TB-MG ngày 26/11/2024. Đồng thời, Công ty đang làm các thủ tục cần thiết để thông báo cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Stt	Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích
B. Công ty liên doanh, liên kết						
1	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất bình Gas	35,00%	35,00%	35,00%
2	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Nghệ An	Kinh doanh LPG	49,00%	49,00%	49,00%
3	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Hà Nội	Kinh doanh LPG	49,00%	49,00%	49,00%
4	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Tp. Đồng Nai	Kinh doanh LPG	49,00%	49,00%	49,00%
5	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Tây Ninh	Kinh doanh LPG	49,00%	49,00%	49,00%
6	Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh LPG	35,00%	35,00%	35,00%
7	Công ty Cổ phần LPG Biên Đông	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh LPG	20,00%	20,00%	20,00%
8	Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Hà Nội	Kinh doanh LPG	33,00%	33,00%	33,00%
9	Công ty Cổ phần MT Gas	Tây Ninh	Kinh doanh LPG	40,73%	40,73%	40,73%

1.4 Số lượng lao động tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2026 là 21 người (tại ngày 01/01/2026 là 11 người).

1.5 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Thông tư 99/2025/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2026.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Trường hợp việc áp dụng Thông tư này làm thay đổi cách trình bày Báo cáo tài chính, Công ty sẽ thực hiện trình bày lại hoặc phân loại lại số liệu so sánh theo quy định. Do đó, các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 do Bộ Tài chính ban hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND, theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Công ty không thực hiện quy đổi đối với một phần hoặc toàn bộ giá trị nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ và được trình bày theo số thuận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết được trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Dự phòng tổn thất được trích lập khi có dấu hiệu hoặc bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có khả năng không thu hồi được theo các điều khoản đã thỏa thuận.

Đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết: Dự phòng tổn thất được trích lập khi có dấu hiệu hoặc bằng chứng cho thấy khoản đầu tư bị suy giảm giá trị tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá trị tổn thất được xác định theo quy định kế toán hiện hành phù hợp với bản chất của từng khoản đầu tư.

Đối với các đơn vị được đầu tư là công ty mẹ, căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là Báo cáo tài chính hợp nhất của đơn vị được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, vật truyền dẫn	07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Cho thuê tài sản**Cho thuê hoạt động**

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ (Tiếp theo)*****Chi phí bảo lãnh phát hành***

Chi phí bảo lãnh phát hành bao gồm các khoản chi phí Công ty thanh toán cho mục đích bảo lãnh phát hành thư tín dụng (LC) để nhập khẩu, mua sắm hàng hóa dịch vụ. Chi phí này được phân bổ trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng phát hành thư tín dụng (L/C) tương ứng, với thời gian từ 08 đến 14 tháng.

Tiền thuê tài sản trả trước

Tiền thuê tài sản trả trước liên quan đến tài sản thuê hoạt động (bao gồm văn phòng Công ty, kho bãi sử dụng cho việc bán hàng, kinh doanh) mà Công ty đang sử dụng thể hiện khoản tiền trả trước cho một kỳ hạn thuê. Tiền thuê tài sản trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với kỳ hạn thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí vỏ bình gas

Chi phí trả trước là giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng, chi phí sơn sửa bảo dưỡng, kiểm định vỏ bình gas. Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

Nguyên tắc kế toán Phải trả người bán, Phải trả khác

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả khác (không bao gồm phải trả cổ tức, lợi nhuận) được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả này được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản của nhà cung cấp hoặc người bán (là đơn vị độc lập với người mua). Khoản phải trả người bán bao gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.

Cổ phiếu mua lại của chính mình được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (LPG, và các sản phẩm liên quan đến nhà bếp), doanh thu cho thuê và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa và dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền mặt	112.977.480	112.977.480
Tiền gửi không kỳ hạn (i)	41.463.752.651	29.006.267.674
Cộng	41.576.730.131	29.119.245.154

(i) Chi tiết tiền gửi không kỳ hạn như sau:

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Sài Gòn	30.171.942.217	13.083.282.275
Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	9.426.995.896	11.359.180.296
Tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng và tổ chức khác	1.864.814.538	4.563.805.103
Cộng	41.463.752.651	29.006.267.674

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon,
Số 3 Nguyễn Lương Bằng Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND) (Trình bày lại)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
a) Ngắn hạn	77.473.801.812	77.473.801.812	-	11.081.245.881	11.081.245.881	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	73.209.753.966	73.209.753.966	-	2.301.504.103	2.301.504.103	-
Lãi dự thu các khoản tiền gửi có kỳ hạn	1.009.753.966	1.009.753.966	-	101.504.103	101.504.103	-
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Sài Gòn (i)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn	200.000.000	200.000.000	-	200.000.000	200.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hội An (ii)	70.000.000.000	70.000.000.000	-	-	-	-
<i>Cho vay</i>	4.264.047.846	4.264.047.846	-	8.779.741.778	8.779.741.778	-
Lãi dự thu các khoản cho vay	303.904.107	303.904.107	-	529.741.778	529.741.778	-
Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giàng (iii)	3.960.143.739	3.960.143.739	-	4.000.000.000	4.000.000.000	-
Công ty TNHH Bình Khí Đốt Hong Vi Na	-	-	-	2.800.000.000	2.800.000.000	-
Công ty TNHH Khí Dầu Mỏ Hóa Lông Be Ta Gas	-	-	-	1.450.000.000	1.450.000.000	-
b) Dài hạn	23.087.320.000	23.087.320.000	-	24.337.320.000	24.337.320.000	-
<i>Cho vay</i>	23.087.320.000	23.087.320.000	-	24.337.320.000	24.337.320.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt (iv)	5.520.000.000	5.520.000.000	-	5.520.000.000	5.520.000.000	-
Công ty TNHH Vinh Quang (v)	4.600.000.000	4.600.000.000	-	4.600.000.000	4.600.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát (vi)	12.967.320.000	12.967.320.000	-	14.217.320.000	14.217.320.000	-
Cộng	100.561.121.812	100.561.121.812	-	35.418.565.881	35.418.565.881	-

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất áp dụng là 4,8%/năm. Giá trị tài khoản tiền gửi này bị phong tỏa để làm tài sản đảm bảo để phục vụ cho việc khởi kiện của Công ty là 2.000.000.000 VND.
- (ii) Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất áp dụng là 8%/năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon,
Số 3 Nguyễn Lương Bằng Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

- (iii) Khoản cho Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giang vay theo Hợp đồng số 0204/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 30/6/2021, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021. Thời hạn vay từ ngày 30/6/2021 đến hết ngày 30/6/2024, sau đó đã được gia hạn đến hết ngày 31/12/2025. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản tại ấp 3, Xã Bình Đức, Tỉnh Tây Ninh do ông Nguyễn Hữu Minh Hải sở hữu và đứng tên. Theo Biên bản hòa giải thành giữa Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giang (bên vay) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (Bên Cho vay) ngày 24/7/2026, việc thu hồi khoản cho vay được thực hiện theo tháng, bắt đầu từ tháng 8 năm 2026 với giá trị thanh toán từng kỳ là 522.877.677 VND.
- (iv) Khoản cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt vay theo Hợp đồng số 02-VAY ASP/TĐ 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.
- (v) Khoản cho Công ty TNHH Vinh Quang vay theo Hợp đồng số 01 VAY-ASP/VQ 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.
- (vi) Khoản cho Công ty TNHH Tân Đại Phát vay theo Hợp đồng số 03 VAY-ASP/TĐP 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ		30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào công ty con			615.724.701.227	540.133.121.231	(75.591.579.996)	615.724.701.227	540.133.121.231	(75.591.579.996)
Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha	98,6%	98,6%	142.307.241.235	142.307.241.235	-	142.307.241.235	142.307.241.235	-
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	100,0%	100,0%	443.340.459.992	388.650.168.233	(54.690.291.759)	443.340.459.992	388.650.168.233	(54.690.291.759)
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Mình Thảo	98,0%	51,0%	28.249.000.000	8.651.000.000	(19.598.000.000)	28.249.000.000	8.651.000.000	(19.598.000.000)
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	51%	0,0%	1.828.000.000	524.711.763	(1.303.288.237)	1.828.000.000	524.711.763	(1.303.288.237)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

	Tỷ lệ		30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			136.603.113.905	123.021.521.705	(13.581.592.200)	136.603.113.905	123.021.521.705	(13.581.592.200)
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina	35,00%	35,0%	18.945.079.125	18.945.079.125	-	18.945.079.125	18.945.079.125	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	49,00%	49,0%	1.470.000.000	-	(1.470.000.000)	1.470.000.000	-	(1.470.000.000)
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đại Phát	49,00%	49,0%	2.385.320.000	-	(2.385.320.000)	2.385.320.000	-	(2.385.320.000)
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	49,00%	49,0%	7.513.340.000	2.613.340.000	(4.900.000.000)	7.513.340.000	2.613.340.000	(4.900.000.000)
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	49,00%	49,0%	2.940.000.000	-	(2.940.000.000)	2.940.000.000	-	(2.940.000.000)
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	35,00%	35,0%	13.650.000.000	13.650.000.000	-	13.650.000.000	13.650.000.000	-
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	20,00%	20,0%	34.000.000.000	34.000.000.000	-	34.000.000.000	34.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	33,00%	33,0%	20.000.000.000	18.113.727.800	(1.886.272.200)	20.000.000.000	18.113.727.800	(1.886.272.200)
Công ty Cổ phần MT Gas	40,73%	40,7%	35.699.374.780	35.699.374.780	-	35.699.374.780	35.699.374.780	-
Cộng			752.327.815.132	663.154.642.936	(89.173.172.196)	752.327.815.132	663.154.642.936	(89.173.172.196)

Các giao dịch và số dư trọng yếu của Công ty và các Công ty con, Công ty liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 7.2.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.3 Phải thu khách hàng

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	419.550.141.556	(260.303.735)	355.733.040.123	-
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	115.137.198.537	-	116.962.688.829	-
Công ty Cổ Phần Năng Lượng An Phú	87.959.284.119	-	27.588.878.729	-
Công ty Cổ Phần Gas Thủ Đức	62.529.258.532	-	37.113.166.943	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	-	-	52.194.697.920	-
Đối tượng khác	153.924.400.368	(260.303.735)	121.873.607.702	-
Dài hạn	90.000.000.000	-	90.000.000.000	-
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	90.000.000.000	-	90.000.000.000	-
Cộng	509.550.141.556	(260.303.735)	445.733.040.123	-
<i>Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>261.546.820.646</i>	<i>-</i>	<i>252.885.217.125</i>	<i>-</i>

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	5.779.640.718	(5.779.640.718)	5.779.640.718	(5.779.640.718)
Công ty Cổ phần Bourbon Bến Lức	1.831.900.797	-	-	-
Đối tượng khác	606.886.550	(432.266.550)	919.366.550	(432.266.550)
Cộng	8.218.428.065	(6.211.907.268)	6.699.007.268	(6.211.907.268)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.5 Phải thu khác

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
a) Ngắn hạn	10.023.629.157	(731.300.287)	7.908.170.922	(617.200.278)
Phải thu của người lao động	560.873.285	(497.688.258)	595.671.964	(383.588.249)
Ký cược, ký quỹ	4.587.267.000	-	4.087.267.000	-
Phải thu khác	4.875.488.872	(233.612.029)	3.225.231.958	(233.612.029)
+ Ông Lại Văn Tú (i)	400.000.000	-	400.000.000	-
+ Saisan Co., Ltd. - Phải thu tiền thuế TNCN nộp hộ (ii)	1.603.784.791	-	2.591.619.929	-
+ Phải thu tiền thuế nhập khẩu được hoàn lại	2.581.376.142	-	-	-
+ Phải thu khác còn lại	290.327.939	(233.612.029)	233.612.029	(233.612.029)
b) Dài hạn	2.887.906.000	-	2.887.906.000	-
Ký cược, ký quỹ	2.887.906.000	-	2.887.906.000	-
Cộng	12.911.535.157	(731.300.287)	10.796.076.922	(617.200.278)
<i>Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>400.000.000</i>	<i>-</i>	<i>400.000.000</i>	<i>-</i>

(i) Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Lại Văn Tú thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo. Khoản phải thu khác này sẽ được thu hồi khi Công ty thực hiện tái cơ cấu khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo.

(ii) Đây là các khoản thuế TNCN Công ty thực hiện quyết toán thay và nộp hộ cho người lao động được cử sang làm việc từ Cổ đông lớn của Công ty, Saisan Co., Ltd.. Sau khi nhận được giấy chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước, Saisan Co., Ltd sẽ thực hiện hoàn trả lại khoản tiền thuế TNCN cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
 Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon,
 Số 3 Nguyễn Lương Bằng Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
 Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
 Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.6 Nợ xấu

	30/6/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc (+)	Giá trị có thể thu hồi (+) Dự phòng (-)	Thời gian quá hạn	Giá gốc (+)	Giá trị có thể thu hồi (+) Dự phòng (-)
Các khoản phải thu khách hàng		260.303.735	- (260.303.735)		-	-
Công ty TNHH Ánh Ngọc	Trên 3 năm	260.303.735	- (260.303.735)			
Trả trước cho người bán		6.211.907.268	- (6.211.907.268)		6.211.907.268	- (6.211.907.268)
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	Trên 3 năm	5.779.640.718	- (5.779.640.718)	Trên 3 năm	5.779.640.718	- (5.779.640.718)
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	432.266.550	- (432.266.550)	Trên 3 năm	432.266.550	- (432.266.550)
Phải thu khác		731.300.287	- (731.300.287)		617.200.278	- (617.200.278)
Bà Phạm Thị Hồng Nhạn	Từ 1 năm đến 2 năm	383.588.249	- (383.588.249)	Từ 1 năm đến 2 năm	383.588.249	- (383.588.249)
Ông Trần Minh Loan	Từ 1 năm đến 2 năm	233.612.029	- (233.612.029)	Từ 1 năm đến 2 năm	233.612.029	- (233.612.029)
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	114.100.009	- (114.100.009)			-
Tổng		7.203.511.290	- (7.203.511.290)		6.829.107.546	- (6.829.107.546)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHAPhòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Nguyễn Lương Bằng Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.7 Hàng tồn kho

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	57.862.532.159	(9.085.713.717)	-	-
Cộng	57.862.532.159	(9.085.713.717)	-	-

5.8 Chi phí trả trước

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	3.158.416.745	580.455.946
Chi phí bảo lãnh phát hành	1.103.024.586	234.161.163
Chi phí thuê hoạt động chờ phân bổ	1.083.942.876	280.637.091
Chi phí chờ phân bổ khác	971.449.283	65.657.692
	77.436.667.967	62.596.501.212
Dài hạn	77.401.667.967	61.038.001.212
Chi phí mua vỏ chai LPG	-	1.516.000.000
Chi phí thuê hoạt động chờ phân bổ	-	1.516.000.000
Chi phí chờ phân bổ khác	35.000.000	42.500.000
	80.595.084.712	63.176.957.158
Cộng		

5.9 Tài sản cố định hữu hình**a. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2026	-	2.508.895.818	2.508.895.818
Tăng do mua trong kỳ	974.536.909	-	974.536.909
Số dư tại ngày 30/06/2026	974.536.909	2.508.895.818	3.483.432.727
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2026	-	2.503.819.143	2.503.819.143
Khấu hao trong kỳ	29.864.841	5.076.675	34.941.516
Số dư tại ngày 30/06/2026	29.864.841	2.508.895.818	2.538.760.659
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại ngày 01/01/2026	-	5.076.675	5.076.675
Số dư tại ngày 30/06/2026	944.672.068	-	944.672.068

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026: 2.508.895.818 VND (tại ngày 01/01/2026: 2.473.923.091 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.9 Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**b. Các tài sản cố định hữu hình đang hiện hữu có tỷ lệ giá trị từ 10% trên tổng tài sản cố định hữu hình**

Mô tả tài sản	30/6/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Xe ô tô phục vụ văn phòng	974.536.909	29.864.841	944.672.068	-	-	-
Hệ thống máy chủ	1.203.000.000	1.203.000.000	-	1.203.000.000	1.203.000.000	-
Cộng	2.177.536.909	1.232.864.841	944.672.068	1.203.000.000	1.203.000.000	-

5.10 Tài sản cố định vô hình**a. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình***Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2026	27.363.837.578	27.363.837.578
Số dư tại ngày 30/06/2026	27.363.837.578	27.363.837.578
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2026	16.144.403.172	16.144.403.172
Khấu hao trong kỳ	2.736.383.760	2.736.383.760
Số dư tại ngày 30/06/2026	18.880.786.932	18.880.786.932
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại ngày 01/01/2026	11.219.434.406	11.219.434.406
Số dư tại ngày 30/06/2026	8.483.050.646	8.483.050.646

b. Các tài sản cố định vô hình đang hiện hữu có tỷ lệ giá trị từ 10% trên tổng tài sản cố định vô hình

Mô tả tài sản	30/6/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Phần mềm chuyển đổi số	11.287.437.878	10.158.694.110	1.128.743.768	11.287.437.878	9.029.950.320	2.257.487.558
Phần mềm ứng dụng di động cho thương mại điện tử	4.501.175.000	2.451.446.374	2.049.728.626	4.501.175.000	2.001.328.876	2.499.846.124
Phần mềm xây dựng, tập huấn, triển khai thương mại điện tử	6.031.000.000	3.002.530.117	3.028.469.883	6.031.000.000	2.399.430.115	3.631.569.885
Cộng	21.819.612.878	15.612.670.601	6.206.942.277	21.819.612.878	13.430.709.311	8.388.903.567

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	294.975.840	155.197.034.007
Công ty TNHH Hóa chất Hyosung Vina	23.485.409.251	161.881.654.008
Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	135.810.043.303	111.885.367.205
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	100.041.344.838	-
ITG Resources (Singapore) Pte. Ltd.	102.003.087.633	-
Apex Energy International Pte. Ltd.	51.823.039.160	-
Phải trả người bán khác	94.019.111.564	8.595.221.736
Cộng	507.477.011.589	437.559.276.956
<i>Trong đó, phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)</i>	<i>140.348.806.187</i>	<i>112.621.271.519</i>

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty TNHH Dầu khí Gia Định	-	189.820.802
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	410.000.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi Nhánh Đồng Nai	391.347.168	-
Công ty TNHH Rohto-Mentholatum (Việt Nam)	147.196.500	-
Cộng	948.543.668	189.820.802

5.13 Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận (i)	885.420.764	885.420.764

- (i) Cổ tức phải trả cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu chưa lưu ký. Công ty đã thông báo về việc nhận cổ tức trong các năm trước tuy nhiên các cổ đông này chưa liên hệ Công ty để nhận cổ tức.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.14 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước ngắn hạn

	01/01/2026 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/6/2026 VND
a) Phải nộp	614.086.453	66.765.117.835	64.267.973.173	3.111.231.115
Thuế giá trị gia tăng	571.543.524	47.458.879.990	47.759.654.627	270.768.887
Thuế xuất nhập khẩu	-	16.338.952.956	16.177.780.999	161.171.957
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.628.202.335		2.628.202.335
Thuế thu nhập cá nhân	42.542.929	241.047.667	232.502.660	51.087.936
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	98.034.887	98.034.887	-
b) Phải thu	2.337.911.087	2.337.911.087	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	2.335.386.706	2.335.386.706	-	-
Các loại thuế khác nộp thừa	2.524.381	2.524.381	-	-

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Kinh phí công đoàn	8.517.710	6.585.636
Phải trả phải nộp khác	5.697.856.102	439.950.834
Cộng	5.706.373.812	446.536.470
<i>Trong đó: Phải trả khác cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)</i>	<i>2.086.919.805</i>	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2026 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	01/01/2026 VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	459.998.795.782	801.597.787.035	693.510.694.235	351.911.702.982
a1) Vay ngắn hạn	459.998.795.782	801.597.787.035	685.861.364.235	344.262.372.982
Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Hồ Chí Minh (i)	160.040.352.199	363.899.776.281	415.297.112.974	211.437.688.892
Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (ii)	252.583.235.369	331.014.727.335	137.904.786.307	59.473.294.341
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (iii)	47.375.208.214	106.683.283.419	132.659.464.954	73.351.389.749
a2) Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	7.649.330.000	7.649.330.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (iv)	-	-	7.649.330.000	7.649.330.000
Cộng	459.998.795.782	801.597.787.035	693.510.694.235	351.911.702.982

- (i) Hợp Đồng tín dụng tuần hoàn kỳ giữa Công ty và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ngày 10/5/2019, bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng lần thứ 2 này 01/3/2021:

Hạn mức tín dụng	: Ngân hàng đồng ý cấp cho Công ty một khoản tín dụng toàn phần không cam kết với tổng số tiền tối đa là 24.000.000 USD thực hiện dưới các hình thức: Các khoản vay, Phát hành và chấp nhận các Thư tín dụng, phát hành bảo lãnh. Trong đó, tổng dư nợ các khoản vay không vượt quá 15.500.000 USD vào mọi thời điểm.
Thời hạn của các khoản vay	: không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn
Mục đích sử dụng vốn	: Bổ sung vốn lưu động
Lãi suất:	: Mỗi khoản vay chịu lãi với tỷ lệ % trên năm được tính bằng mức lãi biên cộng với lãi suất tham chiếu, cộng với các khoản thuế phải trả. Mức lãi biên là 0,5% hoặc mỗi khoản vay sẽ có lãi suất thỏa thuận.
Ngày hết hạn giải ngân của Hợp đồng ban đầu	: Ngày 28/02/2022. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.
Biện pháp bảo lãnh	: Được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh cấp bởi Bên Bảo lãnh là Công ty Saisan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(ii) Hợp đồng chung về các giao dịch tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng số FL/017/25 ngày 03/3/2025 được ký giữa Công ty và Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:

Hạn mức tín dụng : Tổng số tiền của Hạn Mức tín dụng sẽ không vượt quá 20.000.000 USD hoặc các loại tiền tệ tương đương.

Thời hạn của các khoản vay : không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn

Mục đích sử dụng vốn : Tài trợ vốn lưu động chung, tài trợ thương mại, và Bảo lãnh thanh toán và không được sử dụng cho mục đích nào khác

Lãi suất: : 0,5%/năm trên chi phí vốn của Ngân hàng

Thời hạn rút vốn : Hạn mức tín dụng sẽ có hiệu lực từ ngày 15/3/2025 đến ngày 15/3/2026, và sẽ tự động được gia hạn thêm các kỳ hạn một năm liên tục, trừ trường hợp Ngân hàng thông báo khác đi tới Công ty.

Biện pháp bảo đảm : khoản vay không có tài sản đảm bảo

(iii) Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh số CP/HCM/007-17 ngày 11/7/2017, và Phụ kiện Hợp đồng vay vốn số 04:

Hạn mức tín dụng : 5.000.000 USD. Lãi suất vay: Chi phí vốn + 0,5%/năm, được tính và trả vào mỗi tháng;

Thời hạn của các khoản vay : không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn

Mục đích sử dụng vốn : Tài trợ nhu cầu vốn lưu động của bên vay

Thời hạn rút vốn : Đây là một hợp đồng liên tục. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo;

Lãi suất phạt đối với nợ gốc quá hạn: Lãi trên nợ gốc quá hạn không vượt quá 150% lãi suất quy định. Lãi chậm thanh toán lãi sẽ được áp dụng không vượt quá 10%/năm.

Biện pháp bảo đảm : Thư tín dụng dự phòng do Saitama Resona Bank Limited phát hành. Kèm theo bản các điều khoản và điều kiện tiêu chuẩn áp dụng cho các phương thức tín dụng ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon,
Số 3 Nguyễn Lương Bằng Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.17 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Cổ phiếu mua lại của chính mình	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2025	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	63.737.568.917	438.872.867.133
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	29.900.562.068	29.900.562.068
Số dư tại ngày 01/01/2026	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	93.638.130.985	468.773.429.201
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	21.357.691.663	21.357.691.663
Số dư tại ngày 30/06/2026	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	114.995.822.648	490.131.120.864

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp chủ sở hữu**

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
Saisan Co., Ltd.	179.984.260.000	179.984.260.000
Ông Trần Minh Loan	21.881.000.000	21.881.000.000
Ông Trần Duy Luân	20.000.000.000	10.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	151.534.030.000	161.534.030.000
Cộng	373.399.290.000	373.399.290.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	373.399.290.000	373.399.290.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	373.399.290.000	373.399.290.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/06/2026	01/01/2026
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.339.929	37.339.929
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu phổ thông	37.339.929	37.339.929
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu phổ thông	37.339.929	37.339.929
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.18 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ**a. Tài sản thuê ngoài**

Tại ngày 30/6/2026, Công ty có các cam kết thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm thuê kho bãi, thuê văn phòng. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Từ 1 năm trở xuống	5.851.746.000	6.573.426.000
Trên 1 năm đến 5 năm	12.431.200.000	20.271.742.000
Trên 5 năm	-	-
Cộng	18.282.946.000	26.845.168.000

b. Nợ xấu đã xử lý

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty Cổ phần Công nghệ An Toàn Dầu khí Việt Nam	1.300.000.000	1.300.000.000
Cộng	1.300.000.000	1.300.000.000

Công ty xóa nợ do các khoản công nợ phải thu đã quá hạn trên 03 năm, các biện pháp thu hồi nợ đã được áp dụng nhưng vẫn không thu hồi được nợ.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Doanh thu bán LPG	1.372.380.587.532	1.352.742.966.130
Doanh thu cho thuê vỏ bình gas	8.439.681.900	7.432.956.900
Doanh thu cho thuê lại mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật	2.997.381.816	3.081.381.816
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	13.617.315.929	13.557.228.277
Cộng	1.397.434.967.177	1.376.814.533.123
<i>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)</i>	<i>672.834.210.220</i>	<i>883.419.931.546</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Giá vốn bán LPG	1.305.963.154.603	1.308.667.988.074
Giá vốn cho thuê vỏ bình gas	7.765.129.245	6.957.703.746
Giá vốn cho thuê lại mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật	2.479.966.942	3.157.076.816
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9.085.713.717	-
Giá vốn hoạt động khác	12.034.580.677	12.599.369.700
Cộng	1.337.328.545.184	1.331.382.138.336

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.453.283.795	1.889.412.498
Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ	2.128.172.500	15.586.074.314
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	82.951.096	122.045.122
Cộng	3.664.407.391	17.597.531.934
<i>Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)</i>	<i>2.391.348.524</i>	<i>15.878.370.012</i>

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí đi vay	15.191.701.780	12.196.653.047
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.598.090.041	7.489.869.125
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	862.638.697	1.975.569.726
Lỗ do thoái vốn tại Công ty con	-	5.002.116.481
Cộng	19.652.430.518	26.664.208.379
<i>Trong đó: Chi phí tài chính từ các bên liên quan: (Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)</i>	<i>579.650.905</i>	<i>-</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí bán hàng	5.807.420.878	5.217.703.365
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.864.841	-
Chi phí thuê kho hàng, nhập hàng	3.366.186.618	2.848.935.909
Chi phí bảo lãnh mua hàng	2.411.369.419	2.368.767.456
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.070.312.256	13.656.140.538
Chi phí nhân viên quản lý	3.585.947.930	2.955.952.895
Chi phí vật liệu quản lý	14.768.640	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	82.611.929	124.264.471
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.741.460.435	2.742.212.550
Thuế phí và lệ phí	-	4.000.000
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng	374.403.744	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.170.134.240	4.747.715.149
Chi phí bằng tiền khác	2.100.985.338	3.081.995.473
Cộng	17.877.733.134	18.873.843.903

6.6 Thu nhập khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Tiền phạt thu được	80.614.972	-
Thanh lý công cụ, dụng cụ	-	8.150.000
Thu nhập khác	-	191.250
Cộng	80.614.972	8.341.250

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.321.280.704	17.500.215.689
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>624.837.000</i>	<i>-</i>
+ <i>Chi phí không được trừ</i>	<i>624.837.000</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(2.128.172.500)</i>	<i>(15.586.074.314)</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>(2.128.172.500)</i>	<i>(15.586.074.314)</i>
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	24.817.945.204	1.914.141.375
<i>Lỗ được kết chuyển</i>	<i>-</i>	<i>(1.914.141.375)</i>
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	24.817.945.204	-
<i>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	4.963.589.041	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.963.589.041	-

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	97.380.569	124.264.471
Chi phí nhân công	3.585.947.930	2.955.952.895
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.771.325.276	2.742.212.550
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập)	9.460.117.461	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.947.690.277	9.965.418.514
Chi phí khác bằng tiền	2.100.985.338	3.081.995.473
Cộng	26.963.446.851	18.869.843.903

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Các cam kết và vụ kiện****a. Cam kết cho thuê hoạt động**

Tại ngày 30/6/2026, Công ty có các cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm cho thuê kho bãi. Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Từ 01 năm trở xuống	841.090.908	692.500.000
Từ 01 năm đến dưới 05 năm	-	284.545.449
Trên 05 năm	-	-
Cộng	841.090.908	977.045.449

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.1 Các cam kết và vụ kiện (Tiếp theo)

b. Vụ kiện

Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh Thông báo thụ lý vụ án dân sự số 25/2025/TL-KDTM ngày 14/02/2025 về việc “tranh chấp giữa Công ty và người quản lý của Công ty”, Nguyên đơn là Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha và Bị đơn Ông Trần Minh Loan, nguyên Tổng Giám đốc của Công ty (*hiện là cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ của Công ty*). Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm: Buộc Ông Trần Minh Loan phải bồi thường cho Công ty số tiền là 36.265.407.879 VND (*trong đó: Số tiền 3.749.000.000 VND là khoản chênh lệch giữa giá mua thực tế đã thanh toán và giá mua được HĐQT chấp thuận liên quan đến việc mua 49% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo; ; số tiền 6.000.000.000 VND mà Công ty đã chuyển thanh toán cho Ông Ngô Mạnh Hùng theo Hợp đồng ủy thác đầu tư ngày 18/12/2023 nhưng không nhận được khoản lợi nhuận nào; số tiền 26.116.407.879 VND mà Công ty đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Công nghệ CETI và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển ACOM; số tiền 400.000.000 VND là khoản chênh lệch giá mua mà Công ty phải thanh toán thêm cho Ông Phạm Huy Hoàng để mua 2% vốn điều lệ của Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang*). Tòa án sẽ mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải: Lần 1: Lúc 8h ngày 9/4/2026; Lần 2: 13h30 ngày 28/4/2026 (nếu Ông Loan vắng mặt lần 1); Phiên tòa xét xử sơ thẩm: Lần 1 vào lúc 8h ngày 18/5/2026, lần 2 vào lúc 8h ngày 12/6/2026, lần 3 (nếu có) vào lúc 8h ngày 29/6/2026 tại Trụ sở Tòa án Nhân dân TP Hồ Chí Minh. Tại ngày Báo cáo, vụ việc đang được giải quyết bởi Tòa án và các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và chưa có kết luận cuối cùng.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Saisan Co., Ltd.	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Vinh Quang	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - Chi nhánh Ngọn Lửa Thần	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty liên kết
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bình khí đốt Hong Vi Na	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khí hóa Lỏng Hoàng Anh	Tổ chức liên quan đến người nội bộ
Công ty TNHH Sopet Gas One	Ảnh hưởng đáng kể
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
		VND	VND
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy Ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc, và người quản	Thu nhập từ thù lao, lương, thưởng và các khoản thu nhập khác	1.396.912.953	1.676.530.917

Thù lao của Hội đồng Quản trị và người quản lý khác (i)

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
		VND	VND
Ông Tomohiko Kawamoto	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Kobayashi Naoki	Thành viên (đến ngày 26/6/2026)	-	-
Ông Sakamoto Shinichiro	Thành viên	-	-
Ông Nitta Kazufuku	Thành viên độc lập	-	-
Ông Kentaro Jimba	Thành viên độc lập	-	-
Ông Shimbori Toshiyuki	Thành viên (từ ngày 26/6/2026)	-	-
Cộng		-	-

Thù lao của thành viên Ủy ban kiểm toán (i)

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
		VND	VND
Ông Kentaro Jimba	Chủ tịch	-	-
Ông Nitta Kazufuku	Thành viên	-	-
Cộng		-	-

(i) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/ĐHĐCĐ.NQ-ASP ngày 26/6/2026, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ủy ban kiểm toán là 0 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
		VND	VND
Ông Kobayashi Naoki	Tổng Giám đốc (đến ngày 29/7/2026)	256.882.304	270.349.762
Ông Sakamoto Shinichiro	Phó Tổng Giám đốc	227.307.358	311.303.617
Ông Trần Duy Luân	Phó Tổng Giám đốc kiêm người phụ trách quản trị Công ty, thư ký Hội đồng Quản trị	532.680.616	678.736.769
Ông Lại Văn Tú	Kế toán trưởng	380.042.675	416.140.769
Cộng		1.396.912.953	1.676.530.917

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
			VND	VND
Mua hàng			292.227.551.354	50.351.836.490
Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty liên kết	Phí gửi kho LPG, chi phí vận chuyển LPG	567.217.279	75.695.000
Saisan Co., Ltd.	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	Phí bảo hiểm	-	208.573.104
Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình	Công ty con trực tiếp	Chi phí khác	-	1.848.612.568
Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	Công ty con trực tiếp	Chi phí vận chuyển	4.733.300.080	1.869.195.818
		Mua LPG	262.798.237.995	46.349.760.000
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bình khí đốt Hong Vi Na	Công ty liên kết	Vỏ chai LPG	24.128.796.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
 Nguyễn Lương Bằng Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
			VND	VND
Bán hàng			672.834.210.220	883.419.931.546
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Công ty con trực tiếp	Bán LPG, cho thuê bãi, vỏ chai	554.719.440.206	411.675.429.854
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	Công ty con trực tiếp	Bán LPG, cho thuê vỏ chai	3.601.752.723	345.511.704.837
Công ty Cổ Phần MT Gas	Công ty liên kết	Bán LPG, cho thuê vỏ chai	6.343.187.975	2.290.459.972
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Bán LPG	25.938.438.518	21.574.140.427
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - Chi nhánh Ngọn Lửa Thần	Công ty con gián tiếp	Bán LPG	-	6.561.262.675
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Bán LPG	6.361.206.371	5.070.388.315
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết	Bán LPG	-	35.896.454.757
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	Bán LPG	63.930.652.219	36.924.506.444
Công ty TNHH Sopet Gas One	Tổ chức liên quan đến người nội bộ	Bán LPG	11.823.851.016	17.915.584.265
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bình khí đốt Hong Vi Na	Công ty liên kết	Bán LPG	115.681.192	
Doanh thu hoạt động tài chính			2.391.348.524	15.878.370.012
Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	2.128.172.500	4.256.345.000
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay	-	80.270.630
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	Lãi cho vay		8.151.782
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Lãi cho vay	46.181.506	53.928.081
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Lãi cho vay	56.843.835	149.945.205
		Lợi nhuận được chia	-	11.049.729.314
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	-	280.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Lãi cho vay	160.150.683	-
Chi phí tài chính			579.650.905	-
Saisan Co., Ltd.	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	Phí bảo hiểm	579.650.905	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

			Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch		
Giao dịch cho vay				
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Công ty con gián tiếp	Phần tiền gốc thu hồi	-	13.648.500.000
		Phần tiền gốc thu hồi	-	475.000.000
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Phần tiền gốc thu hồi	1.500.000.000	-
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Phần tiền gốc chỉ cho vay	-	2.800.000.000
		Phần tiền gốc	2.800.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Phần tiền gốc chỉ cho vay	-	6.000.000.000
		Phần tiền gốc thu hồi	1.250.000.000	-

c. Số dư với các bên liên quan

		30/6/2026	01/01/2026
Bên liên quan	Mối quan hệ	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		171.546.820.646	162.885.217.125
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Công ty con trực tiếp	115.137.198.537	116.962.688.829
Công ty Cổ Phần MT Gas	Công ty liên kết	3.398.937.861	9.407.769.807
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	1.130.217.294	831.114.413
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	29.438.598.598	29.438.598.598
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	21.928.791.780	4.513.430.305
Công ty TNHH Sopet Gas One	Tổ chức liên quan đến người nội bộ	513.076.576	1.731.615.173
Phải thu của khách hàng dài hạn		90.000.000.000	90.000.000.000
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	Công ty con trực tiếp	90.000.000.000	90.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (cho vay)		23.087.320.000	28.587.320.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt	Công ty liên kết	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Vinh Quang	Công ty con trực tiếp	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	12.967.320.000	14.217.320.000
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	-	1.450.000.000
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	-	2.800.000.000
Phải thu ngắn hạn khác		400.000.000	400.000.000
Ông Lại Văn Tú	Kế toán trưởng	400.000.000	400.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải trả người bán ngắn hạn		140.348.806.187	112.621.271.519
Saisan Co., Ltd.	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	105.855.084	102.766.194
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	Công ty con trực tiếp	135.810.043.303	111.885.367.205
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bình khí đốt Hong Vi Na	Công ty liên kết	4.432.907.800	633.138.120
Phải trả khác ngắn hạn khác		2.086.919.805	-
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Công ty con trực tiếp	2.086.919.805	-

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ và các Thuyết minh có liên quan là số liệu từ Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các Thuyết minh có liên quan là số liệu từ Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.3 Thông tin so sánh (Tiếp theo)

Một số thông tin so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ đã được trình bày lại để phù hợp với quy định của Thông tư 99/2025/TT-BTC như sau:

Khoản mục	Mã	Số dư tại ngày 31/12/2025 (Đã trình bày) VND	Số dư tại ngày 01/01/2026 (Trình bày lại) VND	Chênh lệch VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	406.629.968.835	406.629.968.835	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2.200.000.000	11.081.245.881	8.881.245.881
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	2.200.000.000	11.081.245.881	8.881.245.881
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	372.392.356.648	363.511.110.767	(8.881.245.881)
Phải thu về cho vay ngắn hạn		8.250.000.000	-	(8.250.000.000)
Phải thu ngắn hạn khác	135	8.539.416.803	7.908.170.922	(631.245.881)
Các khoản phải thu dài hạn	210	117.225.226.000	92.887.906.000	(24.337.320.000)
Phải thu về cho vay dài hạn		24.337.320.000	-	(24.337.320.000)
Đầu tư tài chính dài hạn	260	663.154.642.936	687.491.962.936	24.337.320.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	-	24.337.320.000	24.337.320.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280	1.260.830.850.064	1.260.830.850.064	
NỢ PHẢI TRẢ	300	792.057.420.863	792.057.420.863	
Nợ ngắn hạn	310	792.057.420.863	792.057.420.863	
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	885.420.764	885.420.764
Phải trả ngắn hạn khác	320	1.331.957.234	446.536.470	(885.420.764)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1.260.830.850.064	1.260.830.850.064	-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lai Văn Tú



Lai Văn Tú



Shimbori Toshiyuki